**Biểu mẫu 19**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

# THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm**

**năm học 2018-2019**

## A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

| STT | Nội dung | Diện tích *(m2)* | Hình thức sử dụng | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Sở hữu | Liên kết | Thuê |
| 01 | Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng | | | | |
| | *Trong đó:* | | | | |
| a | Trụ sở chính | 1.164.662 | 1.164.662 | | |
| b | Phân hiệu tại Gia Lai | 70.000 | 70.000 | | |
| c | Trại thực nghiệm Lâm sinh | 188.960 | 188.960 | | |
| 02 | Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học | | | | |
| | *Trong đó:* | | | | |
| a | Trụ sở chính | 88.744 | 88.744 | | |
| b | Phân hiệu tại Gia Lai | 11.631 | 11.631 | | |
| c | Trại thực nghiệm Lâm sinh | | | | |

## B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

| Stt | Tên | Số lượng | Mục đích sử dụng | Đối tượng sử dụng | Diện tích sàn xây dựng *(m2)* | Hình thức sử dụng | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Sở hữu | Liên kết | Thuê |
| 01 | Phòng thí nghiệm | 90 | ĐT / NCKH | GV/SV | 5.840 | | | |
| 02 | Phòng thực hành | | | | | | | |

| Stt | Tên | Số lượng | Mục đích sử dụng | Đối tượng sử dụng | Diện tích sàn xây dựng *(m2)* | Hình thức sử dụng | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Sở hữu | Liên kết | Thuê |
| 03 | Xưởng thực tập | 03 | ĐT / NCKH | GV/SV | 2.402,0 | | | |
| 04 | Nhà tập đa năng | 01 | ĐT / TDTT | GV/SV | 3.320,0 | | | |
| 05 | Hội trường | 04 | ĐT | GV/SV | 1.780 | | | |
| 06 | Phòng học | 168 | ĐT | GV/SV | 28.166 | | | |
| 07 | Phòng học đa phương tiện | 20 | ĐT | GV/SV | 1.935 | | | |
| 08 | Thư viện | 02 | ĐT | GV/SV | 6.656,4 | | | |
| 09 | Trung tâm học liệu | | | | | | | |
| 10 | Các phòng chức năng khác *(Nhà ăn)* | 01 | PV Chung | GV/SV | 1.906,2 | | | |

**C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu**

| STT | Tên | Số lượng |
|---|---|---|
| 1 | Số phòng đọc | 9 phòng đọc |
| 2 | Số chỗ ngồi đọc | 700 chỗ |
| 3 | Số máy tính của thư viện | 26 bộ |
| 4 | Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí) | SL đầu sách: 6.880 (19.929 cuốn)<br>Tạp chí: 21 nhan đề<br>CSDL: 3 (Trong đó 2 CSDL miễn phí, 01 CSDL Proquest đang làm hợp đồng bổ sung) |
| 5 | Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường | 0 |

**D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên**

| STT | Tên | Tỷ lệ |
|---|---|---|
| 1 | Diện tích đất/sinh viên | 76,4 |
| 2 | Diện tích sàn/sinh viên | 6,2 |

*Tp. Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2019*

KT. HIỆU TRƯỞNG

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng**